BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TKDIC: 8
CIC: 3

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101
Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)
Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn	**Bảo**	27/11/2005		8,3	tám, ba	C25QT1	
2	2310100005	Phạm Thị Phương	**Dung**	01/09/2005		7,8	bảy, tám	C25QT1	
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ	**Hải**	11/04/2004		9,0	chín, không	C25QT1	
4	2310100007	Trương Văn	**Hiếu**	01/01/2002		7,6	bảy, sáu	C25QT1	
5	2310100015	Phạm Nhật	**Hồng**	18/01/2005		8,4	tám, bốn	C25QT1	
6	2310100017	Lý Quốc	**Huy**	15/07/2005		8,6	tám, sáu	C25QT1	
7	2310100018	Nguyễn Nhất	**Khang**	06/10/2005		6,7	sáu, bảy	C25QT1	
8	2310100027	Phùng Yến	**Linh**	29/08/2002		6,3	sáu, ba	C25QT1	
9	2310100001	Nguyễn Thị Thanh	**Mơ**	12/01/1999		8,8	tám, tám	C25QT1	
10	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh	**Như**	15/02/2005		8,4	tám, bốn	C25QT1	
11	2310100032	Lê Thị Ngọc	**Quí**	06/01/2005		8,4	tám, bốn	C25QT1	
12	2310100022	Sơn Thị Sa	**Rây**	18/03/2005		7,4	bảy, bốn	C25QT1	
13	2310100029	Nguyễn Chí	**Thành**	30/11/2005		8,9	tám, chín	C25QT1	
14	2310100033	Lâm Phương	**Thảo**	27/2/2002		8,5	tám, năm	C25QT1	
15	2310100012	Danh Ngọc	**Thơm**	25/08/2005		9,4	chín, bốn	C25QT1	
16	2310100009	Nguyễn Thị Mộng	**Thúy**	13/10/2005		8,0	tám, không	C25QT1	
17	2310100011	Nguyễn Nhựt Minh	**Thư**	29/07/2003		9,3	chín, ba	C25QT1	
18	2310100021	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	26/10/2005		6,2	sáu, hai	C25QT1	
19	2310100014	Huỳnh Thanh	**Thy**	08/03/2005		8,4	tám, bốn	C25QT1	
20	2310100028	Văn Thị Mai	**Thy**	26/11/2005		7,2	bảy, hai	C25QT1	
21	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy	**Tiên**	17/08/2005		5,5	năm, năm	C25QT1	
22	2310100034	Trần Thị Lan	**Trinh**	28/06/2005		8,5	tám, năm	C25QT1	
23	2310100020	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	28/04/2005		6,1	sáu, một	C25QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.
Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 20/6/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn	**Bảo**	27/11/2005		5,5	năm, năm	C25QT1	
2	2310100005	Phạm Thị Phương	**Dung**	01/09/2005		6,5	sáu, năm	C25QT1	
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ	**Hải**	11/04/2004		7,5	bảy, năm	C25QT1	
4	2310100007	Trương Văn	**Hiếu**	01/01/2002		5,5	năm, năm	C25QT1	
5	2310100015	Phạm Nhật	**Hồng**	18/01/2005		7,5	bảy, rưỡi năm	C25QT1	
6	2310100017	Lý Quốc	**Huy**	15/07/2005		5,5	năm, năm	C25QT1	
7	2310100018	Nguyễn Nhất	**Khang**	06/10/2005		5,5	năm, năm	C25QT1	
8	2310100027	Phùng Yến	**Linh**	29/08/2002		6,0	sáu, không	C25QT1	
9	2310100001	Nguyễn Thị Thanh	**Mơ**	12/01/1999		9,0	chín, không	C25QT1	
10	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh	**Như**	15/02/2005		6,5	sáu, năm	C25QT1	
11	2310100032	Lê Thị Ngọc	**Quí**	06/01/2005		6,5	sáu, năm	C25QT1	
12	2310100022	Sơn Thị Sa	**Rây**	18/03/2005		5,5	năm, năm	C25QT1	
13	2310100029	Nguyễn Chí	**Thành**	30/11/2005		5,5	năm, năm	C25QT1	
14	2310100033	Lâm Phương	**Thảo**	27/2/2002		9,0	chín, không	C25QT1	
15	2310100012	Danh Ngọc	**Thơm**	25/08/2005		7,5	bảy, năm	C25QT1	
16	2310100009	Nguyễn Thị Mộng	**Thúy**	13/10/2005		6,5	sáu, năm	C25QT1	
17	2310100011	Nguyễn Nhựt Minh	**Thư**	29/07/2003		7,5	bảy, năm	C25QT1	
18	2310100021	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	26/10/2005		7,5	bảy, năm	C25QT1	
19	2310100014	Huỳnh Thanh	**Thy**	08/03/2005		8,0	tám, không	C25QT1	
20	2310100028	Văn Thị Mai	**Thy**	26/11/2005		9,0	chín, không	C25QT1	
21	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy	**Tiên**	17/08/2005		7,5	bảy, năm	C25QT1	
22	2310100034	Trần Thị Lan	**Trinh**	28/06/2005		8,5	tám, năm	C25QT1	
23	2310100020	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	28/04/2005		7,5	bảy, năm	C25QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thảo Thy

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN L2

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100003	Võ Điền	**Lộc**	03/10/2004				C25QT1	✓
2	2310100025	Phạm Thị Khánh	**Ly**	08/12/2005		9,0	chín, không	C25QT1	
3	2310100008	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	05/02/2005		8,1	tám, một	C25QT1	
4	2310100013	Lê Văn	**Nhóc**	28/02/2004		7,4	bảy, bốn	C25QT1	
5	2310010016	Cao Yến	**Tây**	02/07/2005		8,3	tám ba	C25QT1	
6	2310100010	Châu Trần Phúc	**Thuận**	01/01/2005		6,0	sáu không	C25QT1	
7	2310100026	Trần Thị Thủy	**Tiên**	16/10/2005		8,0	tám không	C25QT1	
8	2310100019	Bùi Lê Ngọc	**Trân**	11/04/2005		7,5	bảy năm	C25QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 7 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 7 / 1 **Tỷ lệ đạt:** 87,5 **%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100003	Võ Điền	**Lộc**	03/10/2004				C25QT1	✓
2	2310100025	Phạm Thị Khánh	**Ly**	08/12/2005	Ly	9,0	Chín, không	C25QT1	
3	2310100008	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	05/02/2005	Nghĩa	5,5	năm, năm	C25QT1	
4	2310100013	Lê Văn	**Nhóc**	28/02/2004	Nhóc	8,0	tám, không	C25QT1	
5	2310010016	Cao Yến	**Tây**	02/07/2005	Tây	9,0	chín, không	C25QT1	
6	2310100010	Châu Trần Phúc	**Thuận**	01/01/2005	Thuận	5,0	năm, không	C25QT1	
7	2310100026	Trần Thị Thủy	**Tiên**	16/10/2005	Tiên	8,0	tám, không	C25QT1	
8	2310100019	Bùi Lê Ngọc	**Trân**	11/04/2005	Trân	5,5	năm, năm	C25QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 7 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 7 / 1 **Tỷ lệ đạt:** 87,5 **%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 6 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	**Cẩm**	16/07/2004	Cam	8,6	tám, sáu	C25QT2	
2	2310100023	Trần Thị Mỹ	**Duyên**	01/07/2005		6,3	sáu, ba	C25QT2	✓
3	2310100044	Hồ Như	**Huỳnh**	15/02/2005		5,5	năm, năm	C25QT2	
4	2310100064	Cao Thị Ngọc	**Linh**	11/02/2005		6,4	sáu, bốn	C25QT2	
5	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	**Linh**	16/11/2005		6,5	sáu, năm	C25QT2	
6	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	**Linh**	27/07/2005		7,9	bảy, chín	C25QT2	
7	2310100066	Phạm Thị Yến	**Linh**	31/05/2005		7,8	bảy, tám	C25QT2	
8	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	**Nga**	29/11/2005		5,3	năm, ba	C25QT2	
9	2310100043	Trần Bửu	**Nhân**	01/08/2005		7,1	bảy, một	C25QT2	
10	2310100053	Hoàng Thị Tú	**Nhi**	20/08/2004		8,2	tám, hai	C25QT2	
11	2310100042	Hữu Thị Hồng	**Nhi**	15/02/2005		9,1	chín, một	C25QT2	
12	2310100049	Nguyễn Hoàng	**Oanh**	26/06/2005		7,3	bảy, ba	C25QT2	
13	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	**Phát**	02/06/2005		6,6	sáu, sáu	C25QT2	
14	2310100052	Phạm Thị Diễm	**Phước**	26/11/2005		7,6	bảy, sáu	C25QT2	
15	2310100062	Phạm Tiến	**Quân**	01/09/2005		6,7	sáu, bảy	C25QT2	
16	2310100057	Nguyễn Thị Phương	**Quyên**	26/07/2005		7,5	bảy, năm	C25QT2	
17	2310100054	Phùng Thị Thanh	**Thảo**	30/05/2005		8,8	tám, tám	C25QT2	
18	2310100065	Bành Thị Thanh	**Thủy**	28/01/2005		8,4	tám, bốn	C25QT2	
19	2310100050	Quách Nguyễn Bảo	**Trân**	18/08/2004		7,9	bảy, chín	C25QT2	
20	2310100063	Đào Văn	**Trung**	29/06/2005		8,3	tám, ba	C25QT2	
21	2310100056	Nguyễn Nhựt	**Trường**	06/02/2005		7,9	bảy, chín	C25QT2	
22	2310100047	Phạm Văn	**Tùng**	13/11/2005		7,4	bảy, bốn	C25QT2	
23	2310100041	Lê Thị Cẩm	**Tú**	21/03/2005		7,8	bảy, tám	C25QT2	
24	2310100059	Lê Triệu	**Vy**	05/02/2005		9,0	chín, không	C25QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 24 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 20/6/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	**Cẩm**	16/07/2004	Cam	8,0	tám, không	C25QT2	
2	2310100023	Trần Thị Mỹ	**Duyên**	01/07/2005	Duy	5,0	năm, không	C25QT2	
3	2310100044	Hồ Như	**Huỳnh**	15/02/2005	Huynh	5,0	năm, không	C25QT2	
4	2310100064	Cao Thị Ngọc	**Linh**	11/02/2005	linh	7,5	bảy, năm	C25QT2	
5	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	**Linh**	16/11/2005	Linh	6,0	sáu, không	C25QT2	
6	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	**Linh**	27/07/2005	Linh	6,0	sáu, không	C25QT2	
7	2310100066	Phạm Thị Yến	**Linh**	31/05/2005	Linh	8,0	tám, không	C25QT2	
8	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	**Nga**	29/11/2005	nga	5,0	năm, không	C25QT2	
9	2310100043	Trần Bửu	**Nhân**	01/08/2005		5,5	năm, năm	C25QT2	
10	2310100053	Hoàng Thị Tú	**Nhi**	20/08/2004		5,5	năm, năm	C25QT2	
11	2310100042	Hữu Thị Hồng	**Nhi**	15/02/2005		7,5	bảy, năm	C25QT2	
12	2310100049	Nguyễn Hoàng	**Oanh**	26/06/2005		7,0	bảy, không	C25QT2	
13	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	**Phát**	02/06/2005		5,5	năm, năm	C25QT2	
14	2310100052	Phạm Thị Diễm	**Phước**	26/11/2005		7,0	bảy, không	C25QT2	
15	2310100062	Phạm Tiến	**Quân**	01/09/2005		6,5	sáu, năm	C25QT2	
16	2310100057	Nguyễn Thị Phương	**Quyên**	26/07/2005		5,5	năm, năm	C25QT2	
17	2310100054	Phùng Thị Thanh	**Thảo**	30/05/2005		7,0	bảy, không	C25QT2	
18	2310100065	Bành Thị Thanh	**Thủy**	28/01/2005		8,0	tám, không	C25QT2	
19	2310100050	Quách Nguyễn Bảo	**Trân**	18/08/2004		8,0	tám, không	C25QT2	
20	2310100063	Đào Văn	**Trung**	29/06/2005		6,5	sáu, năm	C25QT2	
21	2310100056	Nguyễn Nhựt	**Trường**	06/02/2005		7,5	bảy, năm	C25QT2	
22	2310100047	Phạm Văn	**Tùng**	13/11/2005	Tùng	8,0	tám, không	C25QT2	
23	2310100041	Lê Thị Cẩm	**Tú**	21/03/2005	Tú	8,0	tám, không	C25QT2	
24	2310100059	Lê Triệu	**Vy**	05/02/2005		6,5	sáu, năm	C25QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 24 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 6 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100038	Bùi Thị Thùy	**Dung**	22/07/2005				C25QT2	✓
2	2310100046	Trương Ngọc Thị Tú	**Mai**	11/12/2005	Mai	5,9	năm, chín	C25QT2	
3	2310100048	Nguyễn Cát Hồng	**Quân**	05/01/2004	Quân	5,8	năm, tám	C25QT2	
4	2310100037	Lê Triệu	**Thiên**	07/04/2005				C25QT2	✓
5	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	**Tuyết**	28/10/2004	Tuyet	7,9	bảy, chín	C25QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 3 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi:** _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 3 / 2 **Tỷ lệ đạt:** _____ , _____ **%**

Ngày 18 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thân Thị Mỹ Linh

Ngày 17 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 20/6/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100038	Bùi Thị Thùy	**Dung**	22/07/2005				C25QT2	✓
2	2310100046	Trương Ngọc Thị Tú	**Mai**	11/12/2005	Mai	6,0	Sáu, không	C25QT2	
3	2310100048	Nguyễn Cát Hồng	**Quân**	05/01/2004	Quân	5,5	năm, năm	C25QT2	
4	2310100037	Lê Triệu	**Thiên**	07/04/2005				C25QT2	
5	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	**Tuyết**	28/10/2004	Tuyet	5,0	năm, không	C25QT2	✓

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 3 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 3 / 2 **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100084	Phạm Cẩm	**Đạt**	15/12/2003		7,5	bảy, năm	C25QT3	
2	2310040043	Phan Xuân	**Khôi**	02/11/2005		7,5	bảy, năm	C25QT3	
3	2310100074	Bạch Thị Thu	**Ngân**	27/11/2005		5,4	năm, bốn	C25QT3	
4	2310100082	Đinh Thị Xuân	**Nghi**	07/06/2005		8,5	tám, năm	C25QT3	
5	2310100079	Nguyễn Khánh	**Ngọc**	01/12/2005		7,2	bảy, hai	C25QT3	
6	2310100073	Nguyễn Thị Kim	**Ngọc**	10/07/2005		6,6	sáu, sáu	C25QT3	
7	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết	**Ngọc**	18/12/2004		6,9	sáu, chín	C25QT3	
8	2310100083	Trừ Thị Cẩm	**Tiên**	17/02/2005		6,8	sáu, tám	C25QT3	
9	2310100072	Nguyễn Việt	**Tiến**	01/01/2005		6,9	sáu, chín	C25QT3	
10	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	**Trinh**	02/12/2005		6,5	sáu, năm	C25QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 10 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 10 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 18 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 20 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 20/6/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100084	Phạm Cẩm	**Đạt**	15/12/2003	Đạt	7,0	bảy, không	C25QT3	
2	2310040043	Phan Xuân	**Khôi**	02/11/2005	khôi	7,0	bảy, không	C25QT3	
3	2310100074	Bạch Thị Thu	**Ngân**	27/11/2005		6,5	sáu, năm	C25QT3	
4	2310100082	Đinh Thị Xuân	**Nghi**	07/06/2005		7,0	bảy, không	C25QT3	
5	2310100079	Nguyễn Khánh	**Ngọc**	01/12/2005		5,5	năm, năm	C25QT3	
6	2310100073	Nguyễn Thị Kim	**Ngọc**	10/07/2005		5,5	năm, năm	C25QT3	
7	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết	**Ngọc**	18/12/2004		5,5	năm, năm	C25QT3	
8	2310100083	Trừ Thị Cẩm	**Tiên**	17/02/2005		7,0	bảy, không	C25QT3	
9	2310100072	Nguyễn Việt	**Tiến**	01/01/2005		5,5	năm, năm	C25QT3	
10	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	**Trinh**	02/12/2005		7,0	bảy, không	C25QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 10 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 10 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100089	Nguyễn Huỳnh Ngọc	**Duy**	16/05/2005		7,6	bảy, sáu	C25QT3	
2	2310030023	Trần Nguyễn Bảo	**Duy**	16/05/2005		7,4	bảy, bốn	C25QT3	
3	2310100093	Đỗ Quốc	**Khánh**	05/07/2002		5,2	năm, hai	C25QT3	
4	2310100070	Đặng Thúy	**Kiều**	29/12/2005				C25QT3	v
5	2310100095	Nguyễn Ngọc	**Nhi**	14/10/2005				C25QT3	v
6	2310100080	Đặng Trần Hoàng	**Phước**	12/11/1999		6,3	sáu, ba	C25QT3	
7	2310100075	Nguyễn Đình	**Quý**	28/01/2004		7,8	bảy, tám	C25QT3	
8	2310100076	Hồ Công	**Thắng**	22/12/2001		7,7	bảy, bảy	C25QT3	
9	2310100081	Hồ Bảo	**Trân**	10/06/2005		6,3	sáu, ba	C25QT3	
10	2310100077	Nguyễn Thị Thanh	**Vy**	15/05/2005		6,6	sáu, sáu	C25QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 8 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 8 / 2 **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Hà

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 20/6/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100089	Nguyễn Huỳnh Ngọc	**Duy**	16/05/2005		5,5	năm, năm	C25QT3	
2	2310030023	Trần Nguyễn Bảo	**Duy**	16/05/2005		5,5	năm, năm	C25QT3	
3	2310100093	Đỗ Quốc	**Khánh**	05/07/2002		5,0	năm, không	C25QT3	
4	2310100070	Đặng Thúy	**Kiều**	29/12/2005				C25QT3	V
5	2310100095	Nguyễn Ngọc	**Nhi**	14/10/2005				C25QT3	V
6	2310100080	Đặng Trần Hoàng	**Phước**	12/11/1999		5,5	năm, năm	C25QT3	
7	2310100075	Nguyễn Đình	**Quý**	28/01/2004		5,5	năm, năm	C25QT3	
8	2310100076	Hồ Công	**Thắng**	22/12/2001		5,5	năm, năm	C25QT3	
9	2310100081	Hồ Bảo	**Trân**	10/06/2005		7,0	bảy, không	C25QT3	
10	2310100077	Nguyễn Thị Thanh	**Vy**	15/05/2005		5,5	năm, năm	C25QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 8 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 8 / 0 **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010126	Nguyễn Trần Tấn **Tài**	13/02/2003		5,0	Năm, không	C24QT6	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 1 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 0 **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 29 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 20/6/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010126	Nguyễn Trần Tấn **Tài**	13/02/2003		5,0	Năm, không	C24QT6	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 1 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 0 **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 30/5/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc	**Thái**	18/11/2003		5,9	năm, chín	C24QT5	
2	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ	**Tiên**	26/08/2004		6,9	sáu, chín	C24QT5	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 2 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 2 / 0 **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: 20/6/2024 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc	**Thái**	18/11/2003		5,5	năm, năm	C24QT5	
2	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ	**Tiên**	26/08/2004		7,0	bảy, không	C24QT5	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 2 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 2 / 0 **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 28 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ

Ngày 27 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101
Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San
Ngày thi: 24/07/2024 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên:
Giám thị 2: Đào Thị Hồng Hạnh Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010126	Nguyễn Trần Tấn	**Tài**	13/02/2003					C24QT6	Nợ HP đúng hạn
2	2310100010	Châu Trần Phúc	**Thuận**	01/01/2005					C25QT1	
3	2310100065	Bành Thị Thanh	**Thủy**	28/01/2005					C25QT2	
4	2310100009	Nguyễn Thị Mộng	**Thúy**	13/10/2005					C25QT1	
5	2310100011	Nguyễn Nhựt Minh	**Thư**	29/07/2003					C25QT1	
6	2310100021	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	26/10/2005					C25QT1	
7	2310100014	Huỳnh Thanh	**Thy**	08/03/2005					C25QT1	
8	2310100028	Văn Thị Mai	**Thy**	26/11/2005					C25QT1	
9	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy	**Tiên**	17/08/2005					C25QT1	
10	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ	**Tiên**	26/08/2004					C24QT5	
11	2310100026	Trần Thị Thủy	**Tiên**	16/10/2005					C25QT1	
12	2310100083	Trừ Thị Cẩm	**Tiên**	17/02/2005					C25QT3	
13	2310100072	Nguyễn Việt	**Tiến**	01/01/2005					C25QT3	
14	2310100019	Bùi Lê Ngọc	**Trân**	11/04/2005					C25QT1	
15	2310100050	Quách Nguyễn Bảo	**Trân**	18/08/2004					C25QT2	
16	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	**Trinh**	02/12/2005					C25QT3	
17	2310100034	Trần Thị Lan	**Trinh**	28/06/2005					C25QT1	
18	2310100063	Đào Văn	**Trung**	29/06/2005					C25QT2	
19	2310100056	Nguyễn Nhựt	**Trường**	06/02/2005					C25QT2	
20	2310100020	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	28/04/2005					C25QT1	
21	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	**Tuyết**	28/10/2004					C25QT2	
22	2310100047	Phạm Văn	**Tùng**	13/11/2005					C25QT2	
23	2310100041	Lê Thị Cẩm	**Tú**	21/03/2005					C25QT2	
24	2310100059	Lê Triệu	**Vy**	05/02/2005					C25QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** _____/_____.
Số sinh viên đạt: _____ **Tỷ lệ đạt:** _____%

Ngày 26 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Nghĩa

Ngày 27 tháng 7 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2023-2024

Môn học: Nguyên lý thống kê
Mã bài thi: 34FVLA
Thời gian thi: 24/07/2024 15:15:00
Thời gian kết thúc: 24/07/2024 16:15:00

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên:
Giám thị 2: Đào Thị Hồng Hạnh Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010126	Nguyễn Trần Tấn Tài	13/02/2003		4.8	Bốn, tám	C24QT6	
2	2310100011	Nguyễn Nhựt Minh Thư	29/07/2003		8	Tám	C25QT1	
3	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005		5.2	Năm, hai	C25QT1	
4	2310100010	Châu Trần Phúc Thuận	01/01/2005		5.8	Năm, tám	C25QT1	
5	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005		5.8	Năm, tám	C25QT1	
6	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005		3.8	Ba, tám	C25QT2	
7	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT1	
8	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT1	
9	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005		6	Sáu	C25QT1	
10	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005		5.2	Năm, hai	C25QT1	
11	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ Tiên	26/08/2004		5.2	Năm, hai	C24QT5	
12	2310100083	Trừ Thị Cẩm Tiên	17/02/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT3	
13	2310100072	Nguyễn Việt Tiến	01/01/2005		5.5	Năm, năm	C25QT3	
14	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005		3.8	Ba, tám	C25QT1	
15	2310100050	Quách Nguyễn Bảo Trân	18/08/2004		4.8	Bốn, tám	C25QT2	
16	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	02/12/2005		4.8	Bốn, tám	C25QT3	
17	2310100063	Đào Văn Trung	29/06/2005		5.2	Năm, hai	C25QT2	
18	2310100056	Nguyễn Nhựt Trường	06/02/2005		6.2	Sáu, hai	C25QT2	
19	2310100041	Lê Thị Cẩm Tú	21/03/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT2	
20	2310100047	Phạm Văn Tùng	13/11/2005		6	Sáu	C25QT2	
21	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005		5.8	Năm, tám	C25QT1	
22	2310100058	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	28/10/2004		6	Sáu	C25QT2	
23	2310100059	Lê Triệu Vy	05/02/2005		5.5	Năm, năm	C25QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 23 **Số sinh viên đạt: 21**

Ngày 28 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 7 năm 2024
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sau

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂ

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101
Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San
Ngày thi: 24/07/2024 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: Trần Văn Long Ký tên:
Giám thị 2: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100008	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	05/02/2005					C25QT1	
2	2310100079	Nguyễn Khánh	**Ngọc**	01/12/2005					C25QT3	
3	2310100073	Nguyễn Thị Kim	**Ngọc**	10/07/2005					C25QT3	
4	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết	**Ngọc**	18/12/2004					C25QT3	
5	2310100043	Trần Bửu	**Nhân**	01/08/2005					C25QT2	
6	2310100053	Hoàng Thị Tú	**Nhi**	20/08/2004					C25QT2	
7	2310100042	Hữu Thị Hồng	**Nhi**	15/02/2005					C25QT2	
8	2310100013	Lê Văn	**Nhóc**	28/02/2004					C25QT1	
9	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh	**Như**	15/02/2005					C25QT1	
10	2310100049	Nguyễn Hoàng	**Oanh**	26/06/2005					C25QT2	
11	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	**Phát**	02/06/2005					C25QT2	
12	2310100052	Phạm Thị Diễm	**Phước**	26/11/2005					C25QT2	
13	2310100062	Phạm Tiến	**Quân**	01/09/2005					C25QT2	
14	2310100032	Lê Thị Ngọc	**Quí**	06/01/2005					C25QT1	
15	2310100057	Nguyễn Thị Phương	**Quyên**	26/07/2005					C25QT2	
16	2310100075	Nguyễn Đình	**Quý**	28/01/2004					C25QT3	
17	2310100022	Sơn Thị Sa	**Rây**	18/03/2005					C25QT1	
18	2310010016	Cao Yến	**Tây**	02/07/2005					C25QT1	
19	2310100029	Nguyễn Chí	**Thành**	30/11/2005					C25QT1	
20	2310100033	Lâm Phương	**Thảo**	27/2/2002					C25QT1	
21	2310100054	Phùng Thị Thanh	**Thảo**	30/05/2005					C25QT2	
22	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc	**Thái**	18/11/2003					C24QT5	
23	2310100076	Hồ Công	**Thắng**	22/12/2001					C25QT3	
24	2310100012	Danh Ngọc	**Thơm**	25/08/2005					C25QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi/Số tờ:** _____/_____.
Số sinh viên đạt: _____ **Tỷ lệ đạt:** _____%

Ngày 26 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 7 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)
Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2023-2024

Môn học: Nguyên lý thống kê
Mã bài thi: 1X3GOE
Thời gian thi: 24/07/2024 15:15:00
Thời gian kết thúc: 24/07/2024 16:15:00

Giám thị 1: Trần Văn Long Ký tên:
Giám thị 2: N T N Hà Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005		6.8	Sáu, tám	C25QT1	
2	2310100073	Nguyễn Thị Kim Ngọc	10/07/2005		5	Năm	C25QT3	
3	2310100079	Nguyễn Khánh Ngọc	01/12/2005		5	Năm	C25QT3	
4	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết Ngọc	18/12/2004		6.2	Sáu, hai	C25QT3	
5	2310100043	Trần Bửu Nhân	01/08/2005		4.2	Bốn, hai	C25QT2	
6	2310100053	Hoàng Thị Tú Nhi	20/08/2004		6	Sáu	C25QT2	
7	2310100042	Hữu Thị Hồng Nhi	15/02/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT2	
8	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004		4	Bốn	C25QT1	
9	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005		6.8	Sáu, tám	C25QT1	
10	2310100049	Nguyễn Hoàng Oanh	26/06/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT2	
11	2310100061	Hà Nguyễn Tấn Phát	02/06/2005		5.5	Năm, năm	C25QT2	
12	2310100052	Phạm Thị Diễm Phước	26/11/2005		5.2	Năm, hai	C25QT2	
13	2310100062	Phạm Tiến Quân	01/09/2005		2.2	Hai, hai	C25QT2	
14	2310100032	Lê Thị Ngọc Quí	06/01/2005		5.2	Năm, hai	C25QT1	
15	2310100075	Nguyễn Đình Quý	28/01/2004		4.2	Bốn, hai	C25QT3	
16	2310100057	Nguyễn Thị Phương Quyên	26/07/2005		5.5	Năm, năm	C25QT2	
17	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005		4	Bốn	C25QT1	
18	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005		6.8	Sáu, tám	C25QT1	
19	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc Thái	18/11/2003		5.8	Năm, tám	C24QT5	
20	2310100076	Hồ Công Thắng	22/12/2001		5.8	Năm, tám	C25QT3	
21	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005		5.8	Năm, tám	C25QT1	
22	2310100054	Phùng Thị Thanh Thảo	30/05/2005		6	Sáu	C25QT2	
23	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/02/2002		5	Năm	C25QT1	
24	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005		6.8	Sáu, tám	C25QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 24 **Số sinh viên đạt: 23**

Ngày 26 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 27 tháng 7 năm 2024
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẢO THÍ VÀ KIỂ

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101
Mã lớp học phần: MH110410101 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San
Ngày thi: 24/07/2024 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh Ký tên:
Giám thị 2: Phan Thành Tưởng Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn	**Bảo**	27/11/2005					C25QT1	
2	2310100040	Tăng Thị Hồng	**Cẩm**	16/07/2004					C25QT2	
3	2310100005	Phạm Thị Phương	**Dung**	01/09/2005					C25QT1	
4	2310100023	Trần Thị Mỹ	**Duyên**	01/07/2005					C25QT2	
5	2310100084	Phạm Cẩm	**Đạt**	15/12/2003					C25QT3	
6	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ	**Hải**	11/04/2004					C25QT1	
7	2310100007	Trương Văn	**Hiếu**	01/01/2002					C25QT1	
8	2310100015	Phạm Nhật	**Hồng**	18/01/2005					C25QT1	
9	2310100017	Lý Quốc	**Huy**	15/07/2005					C25QT1	
10	2310100044	Hồ Như	**Huỳnh**	15/02/2005					C25QT2	
11	2310100018	Nguyễn Nhất	**Khang**	06/10/2005					C25QT1	
12	2310100093	Đỗ Quốc	**Khánh**	05/07/2002					C25QT3	
13	2310040043	Phan Xuân	**Khôi**	02/11/2005					C25QT3	
14	2310100064	Cao Thị Ngọc	**Linh**	11/02/2005					C25QT2	
15	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	**Linh**	16/11/2005					C25QT2	
16	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	**Linh**	27/07/2005					C25QT2	
17	2310100066	Phạm Thị Yến	**Linh**	31/05/2005					C25QT2	
18	2310100027	Phùng Yến	**Linh**	29/08/2002					C25QT1	
19	2310100025	Phạm Thị Khánh	**Ly**	08/12/2005					C25QT1	
20	2310100001	Nguyễn Thị Thanh	**Mơ**	12/01/1999					C25QT1	
21	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	**Nga**	29/11/2005					C25QT2	
22	2310100074	Bạch Thị Thu	**Ngân**	27/11/2005					C25QT3	
23	2310100082	Đinh Thị Xuân	**Nghi**	07/06/2005					C25QT3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 22 / _____ .
Số sinh viên đạt: _____ **Tỷ lệ đạt:** _____ **%**

Ngày 26 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 7 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)
Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2023-2024

Môn học: Nguyên lý thống kê
Mã bài thi: GPMB05
Thời gian thi: 24/07/2024 15:15:00
Thời gian kết thúc: 24/07/2024 16:15:00

Giám thị 1: NV. Trinh Ký tên:
Giám thị 2: P. T. Tường Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT1	
2	2310100040	Tăng Thị Hồng Cẩm	16/07/2004		7.8	Bảy, tám	C25QT2	
3	2310100084	Phạm Cẩm Đạt	15/12/2003		4.8	Bốn, tám	C25QT3	
4	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005		6	Sáu	C25QT1	
5	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004		7.8	Bảy, tám	C25QT1	
6	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002		4.8	Bốn, tám	C25QT1	
7	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005		7.5	Bảy, năm	C25QT1	
8	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT1	
9	2310100044	Hồ Như Huỳnh	15/02/2005		6	Sáu	C25QT2	
10	2310100018	Nguyễn Nhất Khang	06/10/2005		4.8	Bốn, tám	C25QT1	
11	2310100093	Đỗ Quốc Khánh	14/10/2005		5.8	Năm, tám	C25QT3	
12	2310040043	Phan Xuân Khôi	02/11/2005		7.8	Bảy, tám	C25QT3	
13	2310100027	Phùng Yến Linh	29/08/2002		5.8	Năm, tám	C25QT1	
14	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	16/11/2005		4.5	Bốn, năm	C25QT2	
15	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005		6	Sáu	C25QT2	
16	2310100064	Cao Thị Ngọc Linh	11/02/2005		6.2	Sáu, hai	C25QT2	
17	2310100066	Phạm Thị Yến Linh	31/05/2005		6.5	Sáu, năm	C25QT2	
18	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005		4.5	Bốn, năm	C25QT1	
19	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999		8.8	Tám, tám	C25QT1	
20	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều Nga	29/11/2005		2.5	Hai, năm	C25QT2	
21	2310100074	Bạch Thị Thu Ngân	27/11/2005		4.8	Bốn, tám	C25QT3	
22	2310100082	Đinh Thị Xuân Nghi	07/06/2005		6.2	Sáu, hai	C25QT3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 22 **Số sinh viên đạt: 21**

Ngày 24 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 7 năm 2024
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Tấn Sáu